

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 09/5/2024

“Tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18/01/2024, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2024/QĐ-PT ngày 09/4/2024 và Thông báo về việc mở phiên tòa trực tuyến số 254/TB-TA ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Ngọc D1, sinh năm 1960

3.2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1962

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc D1: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1962 (văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND thị trấn B.

4. *Người kháng cáo:* Chị Phạm Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/3/2022, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Tấn P1 trình bày:*

Anh P và chị D kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, anh P và chị D sống chung với cha mẹ chị D là ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N. Anh P lái xe ô tô tải chở hàng cho ông D1, bà N; mọi thu nhập từ việc lái xe anh P đều giao hết cho chị D quản lý. Từ khi kết hôn, bản thân anh P luôn lo làm ăn và chăm sóc gia đình.

Năm 2014, anh P, chị D muốn ra ở riêng nên được ông D1, bà N cho một thửa đất tại tổ dân phố T, thị trấn B đối diện với nhà của ông D1, bà N. Do thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông D1, bà N chỉ nói bằng miệng và chỉ ranh giới, mốc giới cho anh P, chị D làm nhà chứ không viết giấy tờ gì.

Trong quá trình xây dựng nhà, bản thân anh P đã bỏ tiền bạc, công sức để xây dựng căn nhà. Nguồn tiền để xây dựng căn nhà là số tiền tích góp của anh P, chị D sau khi cưới, vay tiền người thân và cha mẹ hai bên cho thêm. Sau khi xây dựng nhà xong, anh P và chị D sinh sống tại căn nhà này đến tháng 6/2020 thì anh P, chị D phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2020, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Bản án số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Ba Tư giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Đối với tài sản chung anh P, chị D chưa yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/3/2022 anh P yêu cầu giải quyết chia đôi các tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp IV diện tích 139,1m² và toàn bộ công trình phụ, mái hiên, nhà vệ sinh, mái che, mái nhà, trụ cổng, cánh cửa sắt, tường rào xây dựng trên thửa đất số 658, tờ bản đồ số 8, thị trấn B, huyện B; 01 cái tivi hiệu LG mua năm 2014; 01 tủ lạnh hiệu LG mua năm 2014; 01 máy giặt hiệu S mua năm 2014; 01 máy điều hòa hiệu LG mua năm 2015; 01 máy điều hòa hiệu Casper mua năm 2016; 01 bếp ga hiệu Akiwa mua vào năm 2021; 01 máy nước nóng Panasonic mua vào năm 2021; 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ mun (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế rời và 02 ghế làm bằng gỗ pơ mu, đôn); 01 bộ tủ kệ tivi làm bằng gỗ chàng ràng (cao 2,4m, dài 2,6m); 03 giường ngủ làm bằng gỗ pơ mu.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh P yêu cầu Tòa án giải quyết bổ sung chia các tài sản chung gồm: 01 trang thờ; 01 hồ cá; 01 giếng đào; 01 cây mai; 01 cây hoa trang; sân nền lát

gạch B.

Anh P đồng ý giao toàn bộ các tài sản nêu trên cho chị D quản lý, sử dụng và yêu cầu chị D thanh toán cho anh P $\frac{1}{2}$ giá trị.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ngọc D trình bày:*

Chị D, anh P đã ly hôn vào năm 2021. Hiện tại chị đang trực tiếp nuôi hai con chung với anh P. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh P có mua các tài sản gồm: 01 tivi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Samsung; 01 máy điều hòa hiệu LG; 01 bếp ga hiệu Akiwa; 01 máy nước nóng Panasonic như anh P trình bày.

Các tài sản gồm: 01 căn Nhà cấp IV diện tích 139,1m² và toàn bộ công trình phụ, mái hiên, nhà vệ sinh, mái che, mái nhà, trụ cổng, cánh cửa sắt, tường rào; 01 máy điều hòa hiệu Casper mua năm 2016; 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ mun (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế rời và 02 đôn); 01 bộ tủ kệ tivi làm bằng gỗ chàng ràng (cao 2,4m, dài 2,6m); 03 giường ngủ làm bằng gỗ pơ mu là tài sản của ông D1, bà N mua sắm để chị D, anh P sử dụng nên chị không đồng ý chia cho anh P. Chị D cũng không đồng ý chia các tài sản gồm: 01 trang thờ; 01 hồ cá; 01 giếng đào; 01 cây mai; 01 cây hoa trang; sân nền lát gạch B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N trình bày:*

Năm 2009, anh P và chị D kết hôn. Năm 2010, anh P và chị D dọn về chung sống cùng nhà với vợ chồng ông bà. Tháng 11/2010, anh P hợp đồng chạy xe tải cho vợ chồng bà, mỗi tháng ông bà trả lương cho anh P 2.500.000 đồng.

Năm 2014, vợ chồng bà tự bỏ tiền ra để xây dựng nhà và toàn bộ công trình phụ trên thửa đất số 658, tờ bản đồ số 8, thị trấn B, huyện B cho vợ chồng anh P, chị D ở. Ngoài ra vợ chồng bà còn mua một số tài sản để anh P, chị D sử dụng như: 01 máy điều hòa hiệu Casper; 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ mun (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế rời và 02 đôn); 01 bộ tủ kệ tivi làm bằng gỗ chàng ràng (cao 2,4m, dài 2,6m); 03 giường ngủ làm bằng gỗ pơ mu. Nay, anh P yêu cầu chia đôi giá trị của các tài sản nêu trên thì vợ chồng bà không đồng ý, vì đó là tài sản của vợ chồng bà mua cho anh P, chị D sử dụng khi còn chung sống với nhau, nay vợ chồng anh P đã ly hôn thì ông bà không cho nữa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn B trình bày:*

Ngày 31/3/2020 UBND thị trấn B đã chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N; bên nhận tặng cho là chị Phạm Thị Ngọc D thường trú tổ dân phố T, thị trấn B. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CU 617133, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005612 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 10/01/2020, đối với thửa đất số 658, tờ bản đồ số 08, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 310,7m²;

mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 210,7m² và căn nhà cấp 4 mái ngói nền gạch trắng men, diện tích 100m², toàn bộ công trình phụ trên thửa đất số 658. Tại thời điểm chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, anh Huỳnh Tấn P có mặt, nhưng cán bộ chuyên môn không yêu cầu anh Huỳnh Tấn P ký tên trong hợp đồng, vì anh P không phải là bên tặng cho tài sản hay bên được tặng cho tài sản. UBND thị trấn B chứng thực hợp đồng theo quy định, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn anh Huỳnh Tấn P, cụ thể:

- Giao cho chị Phạm Thị Ngọc D được quyền sở hữu, sử dụng căn Nhà cấp IV diện tích 139,1m² và toàn bộ công trình phụ, mái hiên, nhà vệ sinh, mái che, mái nhà, trụ cổng, cánh cửa sắt, tường rào trên thửa đất số 658, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giao cho chị Phạm Thị Ngọc D được quyền quản lý, sử dụng 01 tivi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Samsung; 01 máy điều hòa hiệu LG; 01 bếp ga hiệu Akiwa; 01 máy nước nóng Panasonic; 01 máy điều hòa hiệu Casper; 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ mun (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế rời và 02 đôn); 01 bộ tủ kệ tivi làm bằng gỗ chàng ràng (cao 2,4m, dài 2,6m); 03 giường ngủ làm bằng gỗ pơ mu.

(Có sơ đồ trích đo kèm theo bản án và sơ đồ này là một bộ phận không thể tách rời bản án dân sự sơ thẩm).

2. Chị Phạm Thị Ngọc D phải bồi lại cho anh Huỳnh Tấn P giá trị tài sản được chia với số tiền 263.963.546 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm bốn sáu đồng).

3. Chị Phạm Thị Ngọc D có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2023, chị Phạm Thị Ngọc D kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ tuyên án; ngày 10/10/2023 và ngày 21/11/2023, bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D kháng cáo và kháng cáo bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của chị D hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của UBND thị trấn B vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của UBND thị trấn B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/3/2022, nguyên đơn anh Huỳnh Tấn P yêu cầu tòa giải quyết chia đôi các tài sản chung của anh và chị D gồm: 01 căn nhà cấp IV, diện tích 139,1m², toàn bộ công trình phụ, mái hiên, nhà vệ sinh, mái che, mái nhà, trụ cổng, cánh cửa sắt, tường rào xây dựng trên thửa đất số 658, tờ bản đồ số 8, thị trấn B, huyện B và các vật dụng trong nhà gồm: 01 tivi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu LG; 01 máy giặt hiệu Samsung; 01 máy điều hòa hiệu LG; 01 bếp ga hiệu Akiwa; 01 máy nước nóng Panasonic; 01 máy điều hòa hiệu Casper; 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ mun (gồm 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế rời và 02 đôn); 01 bộ tủ kệ tivi làm bằng gỗ chàng rằn (cao 2,4m, dài 2,6m); 03 giường ngủ.

Chị Phạm Thị Ngọc D thừa nhận các tài sản gồm 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy điều hòa LG; 01 bếp ga; 01 máy nước nóng Panasonic là tài sản chung của anh P, chị D. Đối với các tài sản gồm 01 máy điều hòa hiệu Casper; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ mun; 01 bộ tủ kệ tivi; 03 giường ngủ và căn nhà cấp 4 trên thửa đất 658 là của cha mẹ chị là ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N mua, không phải là tài sản chung, nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Theo ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N trình bày căn nhà cấp 4 trên thửa đất 658 là do ông bà xây dựng; các tài sản gồm máy điều hòa, bàn ghế, tủ kệ tivi, giường ngủ là của ông bà mua sắm cho chị D, anh P sử dụng. Anh P, chị D không đóng góp khoản tiền nào trong các tài sản nêu trên. Nay anh P, chị D đã ly hôn thì ông bà không cho nữa, anh P yêu cầu chia các tài sản nêu trên thì ông bà không đồng ý. Các tài liệu chị D, ông D1, bà N cung cấp tại hồ sơ gồm các giấy xác nhận của bà Phan Thị Kim L, ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị Kim N1, bà Trần Thị C, ông Phan Trọng L1, ông Lê Trọng N2... đều thể hiện ông D1, bà N là người chi phí, đầu tư xây dựng nhà, mua sắm các tài sản như ông D1, bà N trình bày.

Anh P cho rằng chi phí xây dựng căn nhà từ số tiền vợ chồng tích góp, nữ trang được cho khi cưới, vợ chồng vay mượn của người thân và được cha mẹ hai bên gia đình cho thêm nhưng anh P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và không được phía bị đơn chị D, cũng như ông D1, bà N thừa nhận.

[2.3] Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/3/2020, giữa bên tặng cho ông Phạm Ngọc D1, bà Huỳnh Thị N; bên được tặng cho bà Phạm Thị Ngọc D; Tài sản tặng cho là quyền sử dụng đất thửa đất 658, tờ bản đồ số 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 310,7m²; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, diện tích 100m², nhà mái ngói, nền gạch tráng men và có công trình phụ đầy đủ. Hợp đồng tặng cho được UBND thị trấn B chứng thực số 89, quyền số 01/2020 SCT/HĐ,GD ngày 31/23/2020. Theo Hợp đồng tặng cho nêu trên thì ông D1, bà N tặng cho các tài sản cho chị Phạm Thị Ngọc D, không thể hiện tặng cho anh Huỳnh Tấn P. Anh P không ký vào hợp đồng tặng cho này.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, anh P xác định số tiền 500.000.000 đồng chị D vay của Ngân hàng N3 – chi nhánh B, chị D sử dụng vào công việc gì anh P hoàn toàn không biết. Tại phiên tòa hôm nay anh P lại xác định chị D vay số tiền trên để trả nợ làm nhà (nhà đang tranh chấp) và mua sắm vật dụng trong gia đình. Chị D cũng thừa nhận vay số tiền trên để trả nợ làm nhà và mua sắm vật dụng trong gia đình. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mục đích vay số tiền này có sử dụng vào việc xây dựng nhà đang tranh chấp hay không.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để chứng minh các tài sản căn nhà cấp 4 nêu trên và các vật dụng trong nhà là tài sản chung của anh P, chị D hay của ông D1, bà N; nếu của ông D1, bà N thì ông D1, bà N đã tặng cho anh P, chị D chưa, tặng cho riêng chị D, hay cho vợ chồng anh P, chị D.

[2.4] Mặt khác, theo Bản trình bày ngày 25/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay, anh P cho rằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/3/2020, anh P hoàn toàn không biết, việc tặng cho đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, anh P đề nghị Tòa án

xem xét hủy bỏ giao dịch hợp đồng này để xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét thụ lý yêu cầu của anh P đối với Hợp đồng tặng cho được UBND thị trấn B chứng thực số 89, quyền số 01/2020 SCT/HĐ,GD ngày 31/3/2020; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nhưng đã xác định tài sản căn nhà cấp 4 trên thửa đất 658 và các tài sản vật dụng trong nhà là tài sản chung của anh P, chị D để chia cho anh P nhận 40 % giá trị và chị D được nhận 60% giá trị là không đúng, chưa xem xét, giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn; việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.5] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D. Các yêu cầu này sẽ được xem xét, giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000314 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc D không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000314 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng